TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST
Ngày 04-4-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Ngọc Mai

2. Bà Lê Hoàng Mỹ Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 514/2024/TLST – HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Tấn L, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Tổ H, thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy L1, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Số nhà M đường số B, tổ M, thôn N, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Anh L, chị L1 có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25/11/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Tấn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị Nguyễn Thị Thúy L1 tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 06 tháng thì đăng ký kết hôn vào năm 2018, tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 105/2018 ngày 07/12/2018. Sau khi kết hôn, anh L, chị L1 sống tại nhà cha mẹ ruột của anh L tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Chung sống hạnh phúc được 02 năm thì chị L1 chuyển hộ khẩu từ tổ 2, thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam về địa chỉ tổ M, thôn N, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận để sinh sống. Vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm, chăm sóc nhau.

Nay, anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy anh L yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy L1.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 09/01/2025, bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy L1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L1 và anh Phạm Tấn L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả. Vợ chồng ly thân đã được 04 năm. Nay, chị L1 nhận thấy không còn tình cảm với anh L nên chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc tham gia phiên tòa sơ thẩm của Viện kiểm sát: Ngày 21/3/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận có Công văn số 07/CV-VKS từ chối tham gia phiên tòa sơ thẩm với lý do vụ án không thuộc thẩm quyền tham gia xét xử của Viện kiểm sát theo Khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nhận thấy trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ đối với hồ sơ vụ án, do đó, việc Viện kiểm sát từ chối tham gia phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Tấn L và chị Nguyễn Thị Thúy L1 có thời gian tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 105/2018 ngày 07/12/2018, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của anh L, chị L1, thực tế từ khoảng năm 2020, cuộc sống vợ chồng đã có mâu thuẫn, cãi vả, không tin tưởng nhau, vợ chồng không sống chung, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Từ đó có cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa anh L, chị L1 đã thật sự rạn nứt, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, anh L, chị L1 khai nhận vợ chồng không có con chung, do đó Tòa án không xem xét là có cơ sở.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn của anh Phạm Tấn L đối với chị Nguyễn Thị Thúy L1.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Tấn L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 9, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Tấn L đối với chị Nguyễn Thị Thúy L1 về việc ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Tấn L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy L1.

1.2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên Tòa án không giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Anh Phạm Tấn L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005090 ngày 25/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Anh Phạm Tấn L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

Phan Thị Mỹ Dung